***Tiếng Việt:* (LTVC) LUYỆN TẬP VỀ NHÂN HÓA (TIẾT 2)**

*Tiết 94*

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết được nhân hoá bằng cách tả sự vật bằng từ ngữ dùng để tả người; sử dụng biện pháp nhân hoá để viết được câu văn sinh động.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: tự chuẩn bị được bài học; tự giác học tập, trả lời câu hỏi, làm bài tập trong giờ học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: trình bày ý kiến, tham gia trao đổi, thảo luận khi làm việc nhóm.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Làm được các bài tập về nhân hóa, biết vận dụng biện pháp nghệ thuật để áp dụng vào thực tế viết văn, thơ, …

**3. Phẩm chất.**

- Nhân ái: có ý thức hỗ trợ, giúp đỡ bạn trong giờ học.

- Trách nhiệm: Có ý thức tích cực tham gia hoạt động học tập trên lớp.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- SHS, VBT, SGV.

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác.

- Thẻ từ, thẻ câu, phiếu bài tập để tổ chức cho HS chơi trò chơi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **1. Khởi động: (5 phút)** |  |
| Để giúp các em có được không khí vui tươi, thoải mái trước buổi học, chúng ta cùng khởi động đầu giờ học nhé!  - Bây giờ các em cùng lắng nghe và hát theo bài hát “Em yêu trường em”, khi hát chú ý xem trong bài hát đó có những đồ dùng học tập nào nhé!  - Gv mở cho HS nghe và hát theo.  - Em hãy dùng biện pháp nhân hoá để gọi tên các đồ dùng học tập có trong bài hát vừa rồi.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới: Ngoài cách gọi các sự vật bằng những từ ngữ gọi con người, trong cách xưng hô, miêu tả đồ vật chúng ta sẽ sử dụng biện pháp nhân hoá thế nào, Tiết Tiếng việt ***Luyện tập về nhân hoá*** hôm nay sẽ giúp các em thấy được điều đó.  - GV ghi bảng tên đề bài. | - HS lắng nghe và hát theo.  - Ví dụ: anh chàng bàn, cô ghế, em bút,..... |
| **2. Khám phá và luyện tập (29 phút)** | |
| Để biết được các sự vật trong đoạn thơ sau được nhân hoá bằng cách nào, chúng ta cùng tìm hiểu qua bài tập 1  **Bài tập 1: (8 phút)**  - GV yêu cầu HS đọc nội dung bài tập 1.  - Em hãy nêu các từ in đậm có trong đoạn thơ.  - Mỗi sự vật in đậm được tả bằng những từ ngữ nào, với yêu cầu này các em cùng thảo luận theo nhóm đôi trong thời gian 2 phút rồi làm vào vở BT.  + Thời gian thảo luận bắt đầu!  + Đã hết thời gian thảo luận, bây giờ các em bắt đầu làm vào vở BT ( thời gian 3 phút)  - Gọi HS trình bày.  + Mỗi sự vật in đậm được tả bằng những từ ngữ nào?  - Nhận xét phần trình bày của HS.  - GV hỏi: Những từ ngữ em vừa tìm được thuộc loại từ nào?  - GV nhận xét kết luận: Khi tả sự vật chúng ta có thể nhân hoá bằng những từ ngữ vốn dùng để tả người.  + Cách tả ấy có tác dụng gì?  **Bài tập 2: (8 phút)**  \* Để giúp các em biết tìm hình ảnh nhân hoá chúng ta cùng tìm hiểu qua BT 2.  - GV gọi 1 HS đọc nội dung BT 2.  Đoạn a có bao nhiêu câu văn? (3 câu)  Đoạn b có bao nhiêu câu? (5 câu)  - Bây giờ các em tìm hình ảnh nhân hoá trong các câu của từng đoạn văn bằng cách gạch chân dưới các hình ảnh nhân hóa đó.  - Với yêu cầu này, các em sẽ thảo luận theo nhóm 4 và trình bày vào phiếu BT nhóm.  - Quan sát, giúp đỡ HS.  - Gọi đại diện nhóm lên trình bày. Nhận xét  Để giúp các em biết cách sử dụng biện pháp nhân hoá khi viết câu, chúng ta cùng sang bài tập 3.  **Bài tập 3: (8 phút)**  - Gọi 1 HS nêu yêu cầu bài tập.  - GV gợi ý HS: cần sử dụng các từ ngữ tả hoạt động, trạng thái, đặc điểm, tính chất của người để tả sự vật.  - GV yêu cầu HS viết lại câu vào vở.  - Nhận xét: yêu cầu HS so sánh câu ban đầu với câu vừa viết lại có sử dụng biện pháp nhân hoá.  Liên hệ giáo dục: Khi viết văn, các em cần sử dụng biện pháp nhân hoá để giúp những sự vật vô tri, vô giác ấy trở nên gần gũi, có hồn và làm cho câu văn hấp dẫn, ấn tượng hơn nhé! | - HS đọc yêu cầu.  - 1 HS nêu các từ in đậm có trong đoạn thơ.  - HS thảo luận nhóm đôi  - 2 HS lên bảng trình bày ý 1  *+ Quả thị: dắt mùa thu vào phố, mang theo câu chuyện cổ, kể.*  *+ Chim: hoà ca.*  *+ Mây: choàng khăn cho núi.*  *+ Lim: bâng khuâng.*  *+ Hàng xoan: thay áo mới.*  *+ Chùm hoa: bối rối.*  *+ Chào mào: trẩy hội, sang sông*  - Những từ ngữ vừa tìm được là động từ dùng để tả hoạt động, trạng thái, đặc điểm của người.  - Cách tả ấy giúp sự vật hiện lên gần gũi, sinh động, giống như người.  - HS trả lời và nhận xét.  - HS đọc yêu cầu.  - HS nêu  Chuẩn bị bảng phụ ghi sẵn đoạn văn a, b để đại diện 1 nhóm làm và gắn lên bảng.  Mùa xuân đến, mầm non cựa mình tỉnh giấc./ Các loài chim đua nhau ca hát./ Bầu trời say sưa lắng nghe khúc ca rộn rã và mải mê ngắm nhìn những chiếc lá xanh nõn nà.//  Nguyên Anh  b. Trăng lẩn trốn trong các tán lá xanh rì của những cây đa cổ thụ đầu thôn./ Những mắt lá ánh lên tinh nghịch./ Trăng chìm vào đáy nước./ Trăng óng ánh trên hàm răng, trăng đậu vào ánh mắt./ Trăng ôm ấp mái tóc bạc của các cụ già.//  Theo Phan Sĩ Châu  - HS nêu yêu cầu.  - HS viết lại câu vào vở và trình bày lên bảng.   a. Những chú kiến đang cõng mồi về tổ.  b. Bụi tre rì rào ca hát cùng gió.  c. Những ông sao tỏa sáng lấp lánh trên bầu trời đêm.  - Câu có sử dụng hình ảnh nhân hoá sinh động và gần gũi hơn. |
| **3. Vận dụng ( 5 phút)** | |
| - Vận dụng những kiến thức vừa học, bây giờ các em chơi trò chơi tiếp sức.  Cô chia lớp thành 2 nhóm, mỗi nhóm cử 5 em lên bảng lần lượt viết câu có sử dụng hình ảnh nhân hóa dùng để miêu tả các đồ dùng học tập. Trong thời gian 3 phút, nhóm nào viết được nhiều câu hơn là nhóm thắng cuộc.  - Các nhóm cử đại diện lên nào.  - Nhận xét, tuyên dương. | - Mỗi nhóm 5 HS lên thi nhau viết câu. |
| **4. Hoạt động nối tiếp: (1 phút)**  - GV nhận xét chung tiết học. Tuyên dương HS, nhóm thực hiện tốt nhiệm vụ.  - Dặn dò HS chuẩn bị TV tiết sau: Viết đoạn văn tưởng tượng. | - HS lắng nghe. |
|  | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………